

Bản án số: 59/2020/HS-ST

Ngày: 30/12/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Nghiêm.
2. Ông Lý Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại phòng xét xử số 01 – trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Lương Văn L (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 08 tháng 3 năm 1976, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn M (đã chết năm 2020) và bà Lương Thị R, sinh năm 1937; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/10/2020 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1978, nơi cư trú: Xóm T, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lương Văn T, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nông Văn T, sinh năm 1994. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Vắng mặt không có lý do.
3. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1988. Vắng mặt không có lý do.

4. Chị Nông Thị Tự, sinh năm 1970. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 01/9/2020, Lương Văn L đến nhà ông Lương Văn T là hàng xóm chơi. Khi L đi bộ vào đến sân thì thấy ông Nguyễn Quốc T đang ngồi hát Karaoke ngoài hiên nhà ông Lương Văn T. Do biết ông T có quan hệ bất chính với vợ mình là Nguyễn Thị T, nên Lương Văn L nói với ông Nguyễn Quốc T “*Mày vẫn còn lớn võn ở đất này à*”, ông Nguyễn Quốc T ngược mặt lên nhìn không nói gì. Lương Văn L cho rằng ông Nguyễn Quốc T coi thường mình thì nảy sinh ý định gây thương tích nên đi về nhà cầm một con dao nhọn, loại dao chọc tiết lợn quay lại nhà ông Lương Văn T.

Lương Văn L đi đến nơi ông Nguyễn Quốc T đang ngồi hát Karaoke, tay phải cầm dao, tay trái túm cổ áo ông Nguyễn Quốc T rồi vung dao từ trên xuống dưới, từ phải qua trái chém vào người ông Nguyễn Quốc T. Lúc này, ông Nguyễn Quốc T đưa tay trái lên đỡ thì bị dao chém trúng bàn tay làm đứt ngón cái, bị thương ngón II + III. Sau đó, ông Nguyễn Quốc T bỏ chạy và cầm được một chiếc điều cày bằng gỗ tre ném trúng đầu Lương Văn L làm chảy máu. Anh Nông Văn T đang ngồi chơi tại nhà ông Lương Văn T chạy đến can ngăn thì Lương Văn L vút lại con dao rồi đi bộ về nhà. Hoàng Văn T ở sát nhà ông Lương Văn T nghe tiếng ồn ào cũng chạy sang hỗ trợ can ngăn và đưa ông Nguyễn Quốc T đi cấp cứu tại Trạm y tế xã Y, sau đó điều trị tại Trung tâm Y tế huyện H.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 9635/20/TgT ngày 22/9/2020 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Thương tích mồm cắt ngón I tay trái + X-quang: Mất đốt 2 và gần toàn bộ đốt 1 ngón I bàn tay trái: 21%.

- Thương tích vết sẹo kẽ ngón I, II tay trái + X-quang: Mề đầu xa đốt bàn 2 tay trái + Đứt gân gấp ngón II tay trái + Khám thần kinh, vận động: Vận động ngón II bàn tay trái hạn chế cứng khớp ngón II bàn tay trái: 6%.

- Thương tích vết sẹo đốt 3 ngón III tay trái: 1%.

Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích do vật sắc gây nên.

Tổng tỷ lệ thương tật cộng lại là 26%.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 09/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Lương Văn L về Tội cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo và bị hại tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường thu nhập 01 tháng lao động, bồi dưỡng sức khỏe, bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại tổng số tiền là 25.000.000đ.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và trình bày lời luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 Bộ luật hình sự. Tuyên bố Lương Văn L phạm Tội cố ý gây thương tích, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao là hung khí bị cáo dùng để gây thương tích, 01 điều cày.

Ghi nhận thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại 25 triệu đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự giá ngạch.

Không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích và hoàn toàn phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án; xác định: Do bị cáo biết bị hại có quan hệ tình cảm với vợ mình là Nguyễn Thị T nên bức tức. Trước thái độ của bị hại không trả lời câu hỏi của bị cáo và tỏ ý thách thức, hơn nữa trước khi gặp bị hại, bị cáo đã uống rượu, không làm chủ được hành vi; nên bị cáo đã cầm con dao sắc nhọn bằng kim loại có tổng chiều dài 43cm, trong đó cán gỗ là 13,5cm, bản rộng nhất của dao 4,5cm, chém trúng vào ngón giữa, lòng bàn tay và cụt ngón tay cái của bàn tay trái của bị hại gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể 26%.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng, hành vi của bị cáo nguy hiểm, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không dùng các quy tắc ứng xử thông thường mà dùng biện pháp bạo lực, sử dụng hung khí nguy hiểm là con

dao bằng kim loại có cạnh sắc, chém gây đa thương tích đối với bị hại, thể hiện sự coi thường, bất chấp pháp luật.

[4] Với các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (dẫn chiếu đến điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ luật Hình sự; bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì nhất thiết còn cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan, nhằm cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

[6] Bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ sự việc, diễn biến hành vi, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo và vợ là Nguyễn Thị T đã ly thân từ năm 2014, bản thân bị cáo đã có con riêng từ năm 2004 với người khác. Trong quá trình chung sống với vợ, bị cáo đã có hành vi bạo hành gia đình (bị cáo đánh vợ, đánh 2 con chung) nên chị T đã làm đơn xin ly hôn nhưng bị cáo không hợp tác, không đến Tòa án. Sau đó chị T đã rút đơn xin ly hôn. Bị hại Nguyễn Quốc T thừa nhận có một phần lỗi do có quan hệ tình cảm với vợ hợp pháp của bị cáo, làm cả gia đình ly thân. Con và vợ bị cáo đi ở cùng Nguyễn Quốc T từ năm 2014 trong khi chưa ly hôn, bị cáo đã cảnh cáo nhưng Nguyễn Quốc T không nghe; đây là một phần nguyên nhân dẫn đến bị cáo quá tức giận đã gây ra sự việc đáng tiếc, không mong muốn cho cả hai bên. Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[9] Từ những đánh giá, phân tích nêu trên thấy rằng bị cáo đã có hành vi phạm tội nghiêm trọng, dùng hung khí cố ý gây thương tích đối với bị hại. Tuy nhiên bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng và là người có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật lần nào nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một khoảng thời gian nhất định, xét xử ở gần mức khởi điểm của khung hình phạt để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, nhưng cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đề nghị trong lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án và cân nhắc khi quyết định hình phạt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa sau khi được Hội đồng xét xử phân tích các quy định pháp luật liên quan, khuyên nhủ hóa giải mâu thuẫn bị cáo đã chủ động nói lời xin lỗi và được bị hại chấp nhận; hơn nữa xem xét gia cảnh của bị cáo còn gặp nhiều khó khăn, bị cáo phạm tội cũng một phần do lỗi của bị hại đã có quan hệ tình cảm với vợ hợp pháp của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo hình phạt tù ở gần mức khởi điểm của khung hình phạt và thấp hơn mức

đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhằm cho bị cáo được hưởng lương khoan hồng, yên tâm cải tạo tốt, sớm hoàn lương đoàn tụ với gia đình, trở thành công dân tốt của xã hội.

[10] Trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường thu nhập 01 tháng lao động, bồi dưỡng sức khỏe, bồi thường tổn thất tinh thần tổng số tiền là 25.000.000đ. Cần công nhận thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

[11] Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao là công cụ phạm tội của Lương Văn L, 01 điều cày do ông T không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

[12] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Quan điểm đề nghị luận tội và ý kiến đối đáp của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các đánh giá, phân tích, nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (dẫn chiếu đến điểm a, khoản 1) Điều 134, các Điều 38, 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 590, Điều 350, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Tội danh và hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Lương Văn L phạm Tội cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Lương Văn L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Nghĩa vụ dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bị cáo Lương Văn L có nghĩa vụ bồi thường thu nhập 01 tháng lao động, bồi dưỡng sức khỏe, bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại tổng số tiền là 25.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1

Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Xử lý vật chứng.

Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao nhọn có một cạnh sắc tổng chiều dài 43cm, trong đó cán gỗ là 13,5cm, bản rộng nhất của dao là 4,5cm; 01 điều cày không còn giá trị sử dụng.

(Chi tiết vật chứng trên được ghi theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/12/2020 giữa Công an huyện Hữu Lũng với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

4. Án phí: Buộc bị cáo Lương Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước và 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân T.Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an H.Hữu Lũng;
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an huyện H;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNV liên quan;
- Chi cục THA Dân sự H.H (Khi án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường